

# Đẩy mạnh hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Lê Hoàng Minh\*, Đỗ Dương Phương Thảo\*

\*Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Received: 20/02/2024; Accepted: 28/02/2024; Published: 29/02/2024

**Abstract:** Along with teaching and scientific research activities, community service activities are one of the main tasks of the university, contributing to the school's reputation. Raising students' awareness and contributions in community connection and service activities plays an extremely important role. This article evaluated the current status of community connection and service activities at Can Tho University of Technology (CTUT) through analyzing feedback from students, as well as favorable and difficult characteristics. Based on this, practical solutions were proposed by the research team to improve the effectiveness of CTUT students' connection and community service activities in the future.

**Keywords:** Connect, students, CTUT, community service, university

## 1. Mở đầu

Từ giữa thế kỷ XX, mô hình “Học tập thông qua trải nghiệm” đã xuất hiện nêu bật vai trò của việc gắn kết việc đào tạo và NCKH ở trường đại học với hoạt động phục vụ thực tiễn cuộc sống. Hiện nay, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KN&PVCĐ) đã trở thành một trong ba nhiệm vụ trọng tâm của tất cả các trường đại học (ĐH) ở Việt Nam và nhiều quốc gia trên toàn thế giới [1]. Riêng tại Việt Nam, hoạt động KN&PVCĐ đã được quy định trong Luật Giáo dục ĐH (2018): dạy học, NCKH, KN&PVCĐ là ba nhiệm vụ chính của các trường ĐH [2]. Nâng cao hiệu quả hoạt động KN&PVCĐ cũng góp phần nâng cao uy tín, khẳng định thương hiệu của trường ĐH. Tại CTUT, hoạt động KN&PVCĐ của SV được sự quan tâm đặc biệt từ Ban Giám hiệu nhà trường. Hoạt động này đã sớm được triển khai, góp phần khẳng định chất lượng đào tạo của CTUT. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số hạn chế nhất định từ hoạt động KN&PVCĐ của SV đã được ghi nhận. Nghiên cứu này được thực hiện qua việc phân tích ý kiến của 1084 SV về thực trạng hoạt động KN&PVCĐ. Kết quả nghiên cứu góp thêm cơ sở khoa học cho việc đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này tại CTUT trong thời gian tới.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là sinh viên chính quy đang học tại CTUT có tham gia hoạt động KN&PVCĐ tại trường hoặc tại địa phương. Số lượng SV tham khảo sát được chọn ngẫu nhiên (1202 SV), thuộc 7 khoa chuyên ngành (Bảng 1). Phương tiện nghiên cứu là phiếu khảo sát (Thông tin chung; Nhận thức của SV

về việc hoạt động KN&PVCĐ; Thuận lợi và khó khăn của SV khi tham gia hoạt động KN&PVCĐ). Phiếu khảo sát được thiết kế thông qua google biểu mẫu. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2019.

## 3. Nội dung nghiên cứu

### 3.1 Cơ sở lý luận

#### 3.1.1 Các khái niệm

*Cộng đồng (community)* là nhóm người có cùng sở thích, có cùng các đặc điểm chung hoặc sống chung trong cùng một khu phố, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố, quốc gia, khu vực [1][3]. *Phục vụ cộng đồng (community service)* là những hoạt động được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức thực hiện trong một khu vực, một quốc gia hay ở quy mô quốc tế trên nền tảng phi lợi nhuận [1][3]. *Kết nối cộng đồng (community engagement)* được hiểu là các hoạt động mang lại giá trị lâu dài cho các thành viên trong và ngoài tổ chức ở một cộng đồng cụ thể nhằm tăng cường trách nhiệm cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và đóng góp cho các lợi ích của cộng đồng đó. Theo đó, đối tượng hưởng lợi trong hoạt động này là cả cộng đồng lẫn người tham gia hoạt động [1].

Như vậy, hoạt động KN&PVCĐ của một trường ĐH được hiểu là những hoạt động gắn kết giữa nhà trường với cộng đồng xã hội trên cơ sở phi lợi nhuận nhằm sử dụng các nguồn lực của Nhà trường góp phần giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và vị thế của nhà trường.

Khi tham gia hoạt động KN&PVCD, SV được hưởng rất nhiều lợi ích liên quan:

+ SV được tiếp cận với cộng đồng, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề được giao.

+ SV được nâng cao năng lực lập kế hoạch và làm việc nhóm.

+ SV được nâng cao phẩm chất của công dân với mục tiêu công hiến, phục vụ cho lợi ích của cộng đồng. Đây cũng là mục tiêu cuối cùng trong chuỗi các hoạt động của tất cả các cơ sở GD hiện nay [1] [4].

**Bảng 1. Thông tin về mẫu khảo sát**

Khoa chuyên ngành	Khóa 2019		Khóa 2020		Khóa 2021		Khóa 2022		Tổng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
Khoa Công nghệ thông tin	30	32	24	23	22	22	23	20	196
Khoa Kỹ thuật cơ khí	24	18	22	18	23	24	22	20	171
Khoa Quản lý công nghiệp	23	24	23	28	21	28	25	29	201
Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông	23	24	22	19	24	20	23	23	178
Khoa Kỹ thuật xây dựng	24	19	26	29	14	16	15	20	163
Khoa Khoa học xã hội	0	0	11	15	12	18	18	20	94
Khoa Công nghệ sinh, hóa, thực phẩm	27	32	18	23	26	28	17	28	199

### 3.1.2 Một số loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng

Hoạt động KN&PVCD của một trường ĐH là hoạt động phi lợi nhuận, được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong số đó, những hình thức KN&PVCD phổ biến hiện nay bao gồm:

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng:* hợp tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động; thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các vấn đề phát triển bền vững; phối hợp điều tra khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khảo sát chất lượng đào tạo của nhà trường; công khai cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh của nhà trường hằng năm.

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:* Phối hợp triển khai, tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế

– xã hội của địa phương và khu vực; xây dựng, triển khai, phát triển các dịch vụ chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường và gắn với chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn chuyên môn, chính sách, chiến lược phát triển:*

Tham gia các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp có liên quan để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn, nghiệp vụ cho sự phát triển của nhà trường; tham gia tư vấn, phản biện việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; xây dựng chuyên đề và tổ chức các hoạt động tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ, chính sách, chiến lược phát triển cho các bên liên quan và cho vùng.

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn, hỗ trợ người học:* Tư vấn hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn lực về học liệu, kỹ thuật, kỹ năng, nguồn tài chính, ... phục vụ tốt quá trình học tập và rèn luyện; tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp, công tác tư vấn tâm lý, sức khỏe, pháp luật và công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm, đào tạo kỹ năng, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp ... cho người học, thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, công tác y tế học đường theo đúng quy định tạo môi trường giáo dục an toàn, xanh, sạch, đẹp thân thiện và văn minh; phối hợp tổ chức cho người học tham gia các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ hoạt động học thuật ... với các bên liên quan.

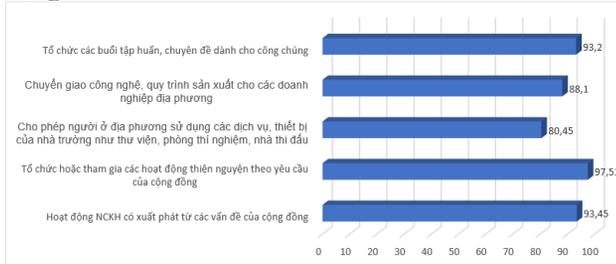
- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động xã hội, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện:* Tổ chức các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện như: mùa hè xanh, ngày chủ nhật đỏ, tiếp sức mùa thi, quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, tham gia các hoạt động xã hội bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, ...; tham gia các hoạt động, sự kiện trọng đại của địa phương như tham gia Hội nghị, hội thảo, các chương trình văn nghệ nhân các ngày lễ lớn, sự kiện đối ngoại và hợp tác quốc tế; tham gia giao lưu, hợp tác trao đổi kinh nghiệm giữa nhà trường với các bên liên quan nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường ra

cộng đồng, xã hội.

### 3.2 Cơ sở thực tiễn

#### 3.2.1 Nhận thức của SV

Hoạt động KN&PVCD được các SV biết bao gồm các hoạt động chính được trình bày ở Hình 1. Trong số đó, hoạt động tình nguyện và hoạt động NCKH được đa số SV quan tâm và thực hiện. Hình thức của các hoạt động này được đa dạng hóa giúp các SV có lựa chọn để tham gia sao cho vừa phù hợp với lịch học cá nhân vừa phù hợp với sở thích của mình, góp phần nâng cao nhận thức của SV về giá trị mà các em mang đến cho cộng đồng, qua đó nâng cao tính sẵn sàng chủ động tham gia và kiên trì nỗ lực vượt khó của bản thân mỗi SV. Những kết quả này đã góp phần khẳng định rằng công tác tuyên truyền về các hoạt động KN&PVCD trong SV đã phát huy hiệu quả. Tại CTUT, SV có nhiều cơ hội để tham gia, trải nghiệm và nhận thức được ý nghĩa của các hoạt động KN&PVCD. Trong thời gian tới, nhà trường cần duy trì công tác này và làm tốt hơn nữa sao cho 100% SV đều biết đến và nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động KN&PVCD.



Hình 1. Nhận thức của SV hoạt động KN&PVCD

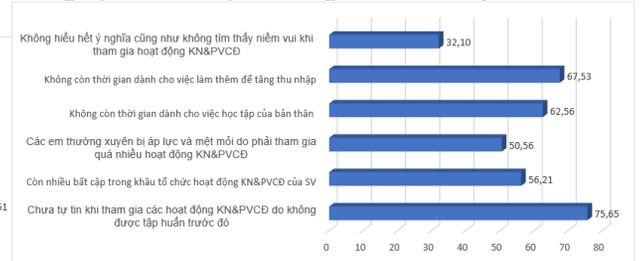
#### 3.2.2 Thuận lợi và khó khăn của SV khi tham gia hoạt động KN&PVCD



Hình 2. Một số lợi ích khi SV tham gia hoạt động KN&PVCD

Một số lợi ích khi SV tham gia hoạt động KN&PVCD được trình bày ở Hình 2. Theo đó, hầu

hết SV cho rằng hoạt động KN&PVCD đem lại nhiều lợi ích cho chính bản thân các em và cần thiết cho nghề nghiệp sau khi ra trường. Một số hoạt động KN&PVCD còn đem lại thu nhập cho bản thân các em. Nhà trường cần quan tâm và đa dạng hóa các hoạt động tình nguyện, hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học gắn kết với cộng đồng. Tuy nhiên, một số SV khác cũng gặp khó khăn nhất định khi tham gia hoạt động KN&PVCD (Hình 3). Trong số những khó khăn này, việc SV còn thiếu kỹ năng và kinh nghiệm cần được quan tâm và hỗ trợ kịp thời. Vấn đề này làm cho SV cảm thấy thiếu tự tin và không chuyên nghiệp khi tham gia hoạt động. Để khắc phục hạn chế này, ban tổ chức cần chuẩn bị trước kế hoạch và nội dung tập huấn. Cần chia SV thành nhiều nhóm với khung thời gian phù hợp với lịch học của đa số SV để tổ chức buổi tập huấn. Đồng thời, ban tổ chức cần chuẩn bị sẵn video và tài liệu hướng dẫn để các SV bị lỡ buổi tập huấn có thể lại. Về lâu dài, CTUT cần nghiêm túc xem và đưa ra những chính sách kịp thời giúp SV vượt qua những khó khăn này.



Hình 3. Một số khó khăn khi sinh viên tham gia hoạt động KN&PVCD

Từ những phân tích như trên cho thấy, hoạt động KN&PVCD của SV tại CTUT đã được triển khai và bước đầu mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác tuyên truyền trong SV về nội dung và tầm quan trọng của các hoạt động KN&PVCD trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả. Tuy nhiên, hoạt động KN&PVCD của SV CTUT hiện nay phổ biến dưới hình thức chủ yếu là các hoạt động tình nguyện, còn các HDDH cũng như hoạt động NCKH gắn với cộng đồng chưa được nhiều SV biết đến

và tham gia.

### 3.3 Giải pháp đẩy mạnh hoạt động KN&PVCD của SV tại CTUT

Để góp phần đẩy mạnh hoạt động KN&PVCD

của SV tại CTUT trong những năm tiếp theo, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

### 3.3.1 Giải pháp 1: Xây dựng bộ chỉ số cơ bản về KN&PVCĐ

Bộ chỉ số cơ bản về KN&PVCĐ cần quy định rõ các nội dung các hoạt động KN&PVCĐ của GV, SV và là căn cứ để các đơn vị lập kế hoạch hoạt động KN&PVCĐ của đơn vị. Dựa theo bộ chỉ số này, các đơn vị đăng ký hoạt động KN&PVCĐ của đơn vị mình, theo dõi, kiểm tra và khen thưởng các cá nhân có thành tích tốt trong quá trình hoạt động.

### 3.3.2 Giải pháp 2. Tổ chức triển khai hoạt động KN&PVCĐ theo nguyên tắc PDCA (Plan - Do - Check - Act)

**Xây dựng kế hoạch và chiến lược hoạt động (Plan):** Căn cứ vào chiến lược phát triển của Trường, CTUT xây dựng chiến lược hoạt động KN&PVCĐ nhà trường theo từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, các đơn vị phụ trách lập kế hoạch hoạt động cho từng năm và công bố từ đầu năm học. Kế hoạch cần nêu rõ nội dung hoạt động, cách thức tổ chức, thời gian thực hiện, báo cáo kết quả cũng như thời gian kiểm tra đánh giá, đồng thời thực hiện sơ kết hoạt động và khen thưởng cá nhân tập thể tích cực tham gia hoạt động. Bên cạnh đó, CTUT cần ban hành các chính sách như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quy định về việc khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích tốt trong hoạt động KN&PVCĐSV tham gia tích cực nhằm thu hút.

**Triển khai hoạt động (Do):** Lãnh đạo các đơn vị phân công nhân sự chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch, phụ trách triển kê, thống kê, báo cáo sơ kết hoạt động và đề xuất khen thưởng cá nhân tập thể tích cực tham gia hoạt động, đồng thời thực hiện khảo sát và phân tích ý kiến đóng góp của các bên liên quan sau khi hoạt động PVCĐ kết thúc. Những đề xuất của nhóm nghiên cứu bao gồm:

- Rà soát nội dung về tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi cũng như các văn bản quản trị CTUT trong đó đảm bảo có các nội dung về hoạt động KN&PVCĐ.

- Rà soát, cập nhật hoặc ban hành mới quy định về việc triển khai các hoạt động KN&PVCĐ tại CTUT.

**Kiểm tra, đánh giá (Check) và cải tiến hoạt động (Act):** Trên cơ sở phân tích những hạn chế tồn tại từ thực tế triển khai hoạt động KN&PVCĐ trong năm học và ý kiến đóng góp của các bên liên quan, các đơn vị tham mưu điều chỉnh chiến lược, chính sách và kế hoạch hoạt động KN&PVCĐ cho những năm

tiếp theo. Việc đánh giá cần được thực hiện hàng quý dựa trên từng mục tiêu cụ thể đã đề ra từ đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và đơn vị liên quan.

### 3. Kết luận

Hoạt động KN&PVCĐ là một trong ba nhiệm vụ chính của các trường đại học. Tại CTUT, nhà trường cần duy trì công tác tuyên truyền, tập huấn và tổ chức đa dạng hơn nữa các hình thức KN&PVCĐ. Bên cạnh các hoạt động tình nguyện như hiện nay, CTUT cần tập trung nhiều hơn cho các HỖDH và NCKH gắn kết với cộng đồng. Các hoạt động này giúp cho quá trình học tập của SV được gắn với thực tiễn, học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tiễn. Thông qua đó, nhà trường sẽ đào tạo được những kỹ sư tương lai có phẩm chất tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu của xã hội.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền & Lê Thị Huyền. 2022. Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên trường Đại học Sao đỏ: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao đỏ, số 2(77), tr. 115-121.*

2. Lê Văn Hào & Đinh Đồng Lương. 2019. Hoạt động phục vụ cộng đồng của trường đại học theo yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục: thực trạng, mô hình, giải pháp phát triển. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Bảo đảm và Kiểm định chất lượng giáo dục đại học trên thế giới và ở Việt Nam năm 2019, tr. 27-35.*

3. Phạm Lộc. 2021. Hướng dẫn sử dụng SPSS V.26 tại địa chỉ [www.phamlocblog.com](http://www.phamlocblog.com) truy cập ngày 10/8/ 2021.

4. Huỳnh Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thắng. 2021. Giới thiệu mô hình học tập phục vụ cộng đồng. *Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao, số 17, tr 87-91.*

5. Thủ tướng Chính phủ. 2022. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6. Huỳnh Ngọc Thắng & Nguyễn Ngọc Trung. 2021. Giới thiệu mô hình học tập phục vụ cộng đồng. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao, số 17, tr. 87-92.*

7. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. 2023. *Kỷ yếu 10 năm thành lập và phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.* Nhà xuất bản Trường Đại học Cần Thơ.